

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ****Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Xem xét Báo cáo của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ý kiến của các cơ quan, Bộ Chính trị kết luận:

Sau hơn 3 năm triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022, phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đạt nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện. Nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của liên kết phát triển vùng được nâng cao. Vùng ĐBSCL từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao và mang đậm bản sắc văn hóa sông nước. Kinh tế duy trì tăng trưởng, ước đạt 5,8%/ năm giai đoạn 2021-2025; thu nhập bình quân đầu người tăng 1,6 lần so năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực với nông nghiệp đóng vai trò trụ đỡ, là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Hạ tầng giao thông chiến lược có bước đột phá kết nối nội vùng và với TP. Hồ Chí Minh; nhiều dự án năng lượng tái tạo được đầu tư và đi vào hoạt động. Một số liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành trong vùng và ngoài vùng được triển khai mang lại nhiều kết quả. Văn hóa xã hội nhiều tiến bộ; an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện khá tốt; đời sống nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Hoàn thành việc sáp nhập các địa phương theo chủ trương của Trung ương; mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được vận hành thông suốt, bước đầu phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế vùng chưa bền vững; quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, chỉ chiếm khoảng 13% GRDP cả nước; nền kinh tế dựa chủ yếu vào nông nghiệp với giá trị gia tăng thấp, hình thức sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa sản xuất quy mô lớn, chưa hiện đại hóa công nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Hạ tầng giao thông kết nối vẫn là điểm nghẽn, chưa kết nối tốt với cảng biển và quốc tế;

cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp hạn chế; hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp, thương mại còn thiếu và yếu, cụm liên ngành thủy sản và nông sản chưa hình thành, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn thấp. Địa hình đồng bằng thấp, chịu tác động gay gắt của thiên tai, biến đổi khí hậu đến an ninh nguồn nước, sạt lở đất, ngập úng, xâm nhập mặn. Đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng; bảo tồn các nguồn tài nguyên, giá trị văn hóa chưa được quan tâm đúng mức; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống một bộ phận dân cư còn bấp bênh. Chi phí logistic, suất đầu tư cao làm giảm sức cạnh tranh và thu hút đầu tư, nhất là thu hút FDI; thiếu không gian phát triển kinh tế có tính động lực và lan tỏa; nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế và phân tán; chất lượng nguồn nhân lực còn rất thấp, cơ cấu lao động chủ yếu là nông nghiệp, di cư lao động trẻ diễn ra phổ biến, gây thiếu hụt lao động tại chỗ.

Trước bối cảnh thế giới, trong nước và điều chỉnh không gian các vùng; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp nên việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 13 cần được rà soát, điều chỉnh toàn diện cả về tư duy phát triển, thể chế, phương thức điều phối và phân bổ nguồn lực; tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tái cấu trúc không gian phát triển vùng, phát huy lợi thế so sánh để phát triển vùng, thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước trong Kỷ nguyên mới.

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết 13-NQ/TW gắn với việc triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các chủ trương, định hướng tại các nghị quyết chiến lược của Đảng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung trọng tâm sau:

1. Quyết tâm đạt được các chỉ tiêu đến năm 2030 như sau:

Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 GRDP bình quân đạt 9-9,5%/năm. GRDP bình quân đầu người đạt 6.610 USD/người/năm; Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng 29-30%, dịch vụ khoảng 43-44%, nông lâm, ngư nghiệp khoảng 26-27%, thuế và trợ cấp khoảng 3-4%. Tỷ trọng kinh tế số đến năm 2030 chiếm 25-30% GRDP Vùng, tỷ lệ công nghiệp chế biến chế tạo đến năm 2030 chiếm 23-24% GRDP Vùng. Giá trị sản xuất bình quân mỗi héc ta đất trồng trọt của vùng đến năm 2030 đạt 190-200 triệu đồng.

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 7,5%, 100% chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp được thu gom và xử lý; 100% khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Tỷ lệ học sinh ở các cấp học và tỷ lệ phòng học kiên cố đạt mức bình quân cả nước; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm xuống dưới 2%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60-

65%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25-30%; tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 65-70%; tỷ lệ thất nghiệp của lao động khu vực thành thị dưới 4%. Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt trên 33 giường bệnh; 15 bác sĩ/vạn dân; 3,0 dược sĩ/vạn dân; 30 điều dưỡng viên/vạn dân, tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt khoảng 15%.

2. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng sinh thái - thông minh - giá trị cao; công nghiệp hóa, cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp để vùng ĐBSCL trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp hiện đại, bền vững, năng động và hiệu quả cao của cả nước, khu vực và thế giới.

Đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh; chuyển cơ cấu sản phẩm chủ lực theo hướng giảm lúa gạo, tăng trái cây và thủy sản nhưng vẫn đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung, tích tụ và hình thành các cánh đồng mẫu lớn, công nghiệp hóa, cơ giới hóa, tự động hóa nông nghiệp, nâng cao giá trị và sản lượng nông nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu nông, thủy sản gắn với các trung tâm chế biến sâu. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030.

Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ số. Tập trung phát triển các trung tâm tổng hợp, chuyên ngành; hình thành các hành lang đô thị - dịch vụ - công nghiệp, các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các trung tâm công nghiệp chế biến logistics tích hợp, bảo đảm chuỗi giá trị khép kín “*nguyên liệu - chế biến- xuất khẩu*”. Đẩy mạnh xuất khẩu nông, thủy sản, thực hiện hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

Phát triển mạnh kinh tế biển, trong đó chú trọng kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, du lịch, dịch vụ du lịch, logistics biển. Đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, ưu tiên hạ tầng các khu du lịch quốc gia trọng điểm. Khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên du lịch, xây dựng thương hiệu quốc tế về du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch biển, đảo; phát triển các khu vực động lực phát triển du lịch, trung tâm du lịch cao cấp quốc gia và quốc tế (đặc khu Phú Quốc), các hành lang du lịch để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng.

Huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, hạ tầng số. Quyết liệt hành động, xây dựng vùng ĐBSCL trở thành trung tâm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp và

các dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

3. Khẩn trương điều chỉnh Quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm 05 tỉnh, thành phố là An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cà Mau và TP Cần Thơ để phù hợp với Quy hoạch quốc gia và các chủ trương, định hướng của Trung ương về phân chia vùng. Tổ chức không gian vùng thành 6 tiểu vùng: (1). *Tiểu vùng Trung tâm*: bao gồm 4 đô thị Cần Thơ, Long Xuyên, Vĩnh Long, Cao Lãnh để phát triển kinh tế chủ đạo là các hoạt động kinh tế đô thị, công nghiệp sinh thái- công nghệ cao. (2). *Tiểu vùng ven biển phía Đông*: bao gồm địa bàn các xã, phường phía Đông của TP. Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau phát triển các ngành kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy sản. (3). *Tiểu vùng ven biển phía Tây*: bao gồm địa bàn các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh An Giang với đô thị Rạch Giá là trung tâm tổng hợp tiểu vùng; đặc khu Phú Quốc là đô thị xanh, thông minh, trung tâm du lịch chất lượng cao, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính nhằm phát triển các ngành kinh tế biển, du lịch quốc tế, chế biến, nuôi trồng và khai thác thủy sản và đảm bảo an ninh quốc phòng trên biển; (4). *Tiểu vùng phía Nam*: bao gồm các xã, phường chủ yếu thuộc bán đảo Cà Mau với đô thị Cà Mau là trung tâm tiểu vùng, cảng Hòn Khoai là trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế; phát triển Khu kinh tế Năm Căn trở thành cực tăng trưởng với định hướng phát triển các ngành kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy sản, kinh tế hàng hải. (5). *Tiểu vùng phía Bắc*: bao gồm một số các xã, phường thuộc tỉnh Đồng Tháp với đô thị Mỹ Tho là trung tâm tiểu vùng, nhằm phát triển các ngành công nghiệp chế biến - chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ phục vụ đô thị. (6). *Tiểu vùng ven biên giới*: Là các xã, phường của dải biên giới phía Tây Bắc thuộc tỉnh An Giang và Đồng Tháp nhằm phát triển các ngành kinh tế biên mậu gần cửa khẩu quốc tế, dịch vụ logistic, trung chuyển hàng hóa, du lịch xuyên biên giới và đảm bảo an ninh quốc phòng biên giới.

Hình thành, phát triển vùng động lực ĐBSCL bao gồm các địa bàn thuộc thành phố Cần Thơ và các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp gắn với khu vực kết nối các tuyến đường cao tốc và đặc khu Phú Quốc; trong đó thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng. Giai đoạn sau năm 2030, nghiên cứu mở rộng phạm vi của vùng động lực gắn với cảng biển Trần Đề. Đầu tư phát triển các Hành lang kinh tế gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam theo trục cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ và Trục cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; Hành lang kinh tế phía Bắc (từ Cần Thơ - TP. Hồ Chí Minh); Hành lang kinh tế Đông - Tây gồm phía Nam sông Hậu và phía Bắc sông Hậu và phía Nam sông Tiền; Hành lang kinh tế dọc theo đường cao tốc từ cửa khẩu Dinh Bà - Đồng Tháp - KKT Định An; các Hành lang kinh tế ven biển gồm phía Đông (Đất Mũi - Bạc Liêu cũ - Sóc Trăng cũ - Trà Vinh cũ - Gò Công - Cần Giỏi) và

ven biển Tây (Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau); Dải hành lang biên giới từ Đồng Tháp đến An Giang.

Đầu tư đồng bộ, hiện đại cụm đảo Hòn Khoai (Cà Mau) là trung tâm logistics và cảng biển nước sâu quốc tế, cửa ngõ giao thương với khu vực và trên thế giới, Cà Mau trở thành cực tăng trưởng mới của Vùng; đặc khu Phú Quốc (An Giang) là trung tâm du lịch sinh thái biển đảo, dịch vụ cao cấp tầm cỡ quốc tế, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính và sáng tạo quốc tế kết nối với trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới; xây dựng đặc khu Thổ Châu thành vùng biển đảo bền vững, kết hợp quốc phòng - an ninh, hình thành tam giác chiến lược "*Phú Quốc - Hòn Khoai - Thổ Châu*" trên vùng biển Tây Nam của Tổ quốc.

4. Hoàn thiện cơ chế điều phối và giám sát phát triển vùng thông qua Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL, bảo đảm liên kết hiệu quả giữa các địa phương và ngành. Nâng cao vai trò điều phối chiến lược của Nhà nước, đồng thời khuyến khích cơ chế đối tác công - tư trong đầu tư hạ tầng, chế biến, logistics và nghiên cứu - phát triển. Xây dựng chính sách đặc thù cho vùng, tập trung vào ưu đãi tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp và thủy sản; chuyển đổi đất, cơ cấu cây trồng - vật nuôi thích ứng thủy văn - sinh thái; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu và năng lượng sinh học, công nghiệp hóa nông nghiệp. Triển khai các cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái và thị trường tín chỉ carbon nông nghiệp nhằm tạo nguồn lực tài chính bền vững. Trong năm 2026, hoàn thành cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội phát triển đặc khu kinh tế tại Phú Quốc, Cụm cảng Hòn Khoai, Đặc khu Thổ Châu, cơ chế đặc thù cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thể chế hóa thành chính sách chung cho cả nước.

5. Đẩy nhanh hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng, quốc tế. Hoàn thiện hạ tầng theo trục dọc Hành lang Bắc - Nam (phía Đông và phía Tây); đẩy nhanh tiến độ kết nối hạ tầng giao thông theo các trục ngang Đông - Tây; đầu tư hạ tầng kết nối từ Cần Thơ với các trung tâm tiểu vùng (Rạch Giá, Cà Mau, Mỹ Tho). Hoàn thành tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch giá - Bạc Liêu; một số tuyến cao tốc quan trọng kết nối vùng; các cảng biển quốc tế Trần Đề; đường ra đảo, cảng tổng hợp lưỡng dụng, khu logistics Hòn Khoai. Phát huy lợi thế giao thông thủy nội địa kết nối đa phương thức với đường bộ, đường biển. Chuẩn bị các điều kiện để khởi công sớm tuyến đường sắt tốc độ cao TP.Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau. Hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng đặc khu Phú Quốc, đặc biệt các dự án, công trình phục vụ APEC 2027; phát triển đặc khu Thổ Châu, hoàn thành cảng hàng không lưỡng dụng, phát triển kinh tế đồng thời củng cố quốc phòng, an ninh cực Tây Nam của Tổ quốc. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông biên giới, tăng cường kết nối giao thông từ hệ thống cửa

khẩu quốc tế với các trung tâm phát triển nội vùng, liên vùng, kết cấu hạ tầng lưỡng dụng gắn với bảo vệ biên giới, hải đảo; bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Đến năm 2030, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp khoảng 830 km đường bộ cao tốc; khoảng 4.000 km đường quốc lộ; 04 cảng hàng không; 13 cảng biển, 11 cụm cảng hành khách và 13 cụm cảng hàng hóa đường thủy nội địa; phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G và thế hệ tiếp theo) trên phạm vi toàn vùng.

Phát triển cân bằng, hài hòa giữa đô thị và nông thôn gắn liền với kiểm soát phát triển đô thị. Phối hợp liên thông quản lý không gian phát triển đô thị - nông thôn; phân cấp rõ trách nhiệm trong cấp phép, quản lý quy hoạch, đầu tư hạ tầng và kiểm soát đất đai; ứng dụng công nghệ mới, cơ sở dữ liệu vùng và công cụ chuyển đổi số để giám sát quá trình phát triển. Tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng mang đặc trưng văn hóa sinh thái sông nước, bảo tồn làng nghề, chợ nổi.... Kiểm soát kiến trúc đô thị để tránh đồng hóa, bảo đảm mỗi đô thị - nông thôn có bản sắc riêng gắn với đặc trưng sinh thái và văn hóa. Phát triển đô thị, đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển khu du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo nhiều việc làm, giảm sự di cư tự nhiên của lực lượng lao động trong vùng. Thiết lập cơ chế giám sát sử dụng đất đô thị - nông thôn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy hoạch.

6. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; phát triển bảo tồn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa “*sông nước*” vùng ĐBSCL. Giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với bảo tồn di tích lịch sử tại các đơn vị hành chính mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, du lịch, tài chính, thương mại quốc tế,...; phát triển mạng lưới đào tạo nghề nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp chuyển đổi số. Hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn, chất lượng cao tại vùng đô thị Cần Thơ. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học trong Vùng theo hướng đa ngành. Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và Bệnh viện đa khoa Cà Mau; phát triển Bệnh viện đa khoa Trà Vinh, Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp, Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp một số bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh thành bệnh viện đảm nhận chức năng vùng về ung bướu, tim mạch, sản/sản - nhi, lão khoa tại Cần Thơ. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và

phát sinh nghèo. Tiếp tục cải thiện môi trường sống và chính sách an sinh xã hội cho người dân.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, chế biến, bảo quản và quản lý chuỗi giá trị nông - lâm - thủy sản. Ưu tiên công nghệ sinh học, tự động hóa, cảm biến, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data) để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số, đô thị số, dịch vụ số. Phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp chính xác và tuần hoàn; thúc đẩy tái sử dụng phụ phẩm, năng lượng sinh học, vật liệu hữu cơ. Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số tích hợp phục vụ quản lý tài nguyên đất - nước - rừng - biển và hoạch định chính sách. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, các sàn giao dịch hàng hóa nông, thủy sản kết nối thị trường thương mại điện tử trong nước, khu vực và thế giới.

8. Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, phòng chống xâm nhập mặn, sạt lở đất. Huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để tạo sự chuyển biến rõ rệt về phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu trong vùng. Khoanh vùng rủi ro thiên tai (sụt lún, sạt lở, ngập úng, xâm mặn); điều chỉnh chính sách đất đai, nước, khai thác nước ngầm; phân bổ nguồn lực ưu tiên của nguồn vốn ngân sách trung ương - địa phương - vốn nước ngoài - xã hội hóa cho các dự án đa mục tiêu, nhất là các dự án đê, kè thủy lợi. Đầu tư hệ thống quan trắc thông minh, mô hình dự báo, xây dựng hệ thống ngăn mặn - trữ ngọt linh hoạt, hồ chứa nước, bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, cân bằng giữa công trình và phi công trình. Thúc đẩy đàm phán hợp tác nguồn nước Mekong, tăng chia sẻ dữ liệu vận hành hồ chứa thượng nguồn.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Nhất là, trong vận hành thông suốt, đồng bộ hiệu quả chính quyền 2 cấp; nâng cao vai trò năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý quản trị kiến tạo phát triển, đẩy mạnh phân cấp phân quyền theo chủ trương “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát. Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

10. Tổ chức thực hiện:

- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, đặc biệt là các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết 13 và Kết luận này.

- Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành cơ chế đặc thù, chính sách vượt trội cho vùng; cụ thể hóa bằng chương trình hành động, tăng cường kiểm tra, giám sát để bảo đảm thực hiện các mục tiêu nghị quyết 13 và Kết luận này.

- Đảng ủy Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động triển khai Kết luận; Ban hành Quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL để định hướng cho các địa phương; Hoàn thiện cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng theo chủ trương của Đảng tại Đại hội XIV, chuyển từ tư duy phối hợp sang tư duy điều hành thực chất; hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách vượt trội và bổ sung nguồn lực để phát triển bền vững vùng ĐBSCL theo tinh thần của Kết luận; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị-xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và Kết luận này.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương xây dựng nội dung hướng dẫn tuyên truyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, cơ chế, chính sách cho vùng ĐBSCL.

- Các tỉnh ủy, thành ủy địa phương trong vùng ĐBSCL có chương trình hành động cụ thể hóa Kết luận này, huy động cả hệ thống chính trị, vận động người dân, doanh nghiệp triển khai, thực hiện thắng lợi những mục tiêu của Nghị quyết 13 và Kết luận này.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW và Kết luận này, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M. BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Cẩm Tú